

Bản án số: 53/2021/HS-ST
Ngày: 17-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phèo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Hoài A, sinh ngày 01/01/1995 tại tỉnh C; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1969 và bà Thạch Thị H, sinh năm 1970; anh chị em ruột: 03 người kể cả bị cáo; vợ Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1998; có 01 người con, sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/10/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Nguyễn Quang B, sinh ngày 02/9/2001 tại tỉnh C; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1971 và bà Lâm Thị H, sinh năm 1975; anh chị em ruột: 02 người kể cả bị cáo; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/10/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: Trịnh Hoàng T, sinh ngày 11/11/2002 tại tỉnh C; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Minh N, sinh năm 1975 và bà Lê Hồng Y, sinh năm 1981; anh chị em ruột: Có 02 người kể cả bị cáo; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10/10/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Hoàng T:* Ông Hoàng Công K, sinh năm 1973 – Luật sư của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Võ Tuấn K, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lê Quốc H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: 11/1 đường L, Phường 5, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đó, khoảng 21 giờ 40 phút ngày 09/10/2020, sau khi hát karaoke và sử dụng ma túy tại quán New do T (chưa rõ lai lịch) cho sử dụng thuộc ấp 6, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì Nguyễn Quang B rủ Nguyễn Hoài A, Trịnh Hoàng T, Vũ Quốc Đ đi tìm chỗ nằm nghỉ và nghe nhạc. A nói đến khách sạn Golden để thuê thì cả 03 đồng ý. A, B, Đ, T đến khách sạn thuê phòng 102. Tại phòng 102, B rủ A, T, Đ sử dụng ma túy thì A và T đồng ý, Đ không nói gì. B, A, T thỏa thuận hùn tiền mua ma túy và A ứng tiền trả trước, B và T trả lại sau. B điện thoại cho Bé S (chưa rõ lai lịch) hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy loại ketamine rồi hẹn Bé S mang ma túy đến phòng 102 để giao nhận. B và Đ ra khỏi phòng để đi mượn loa về nghe nhạc. Khoảng 20 phút sau, có 01 thanh niên (chưa rõ lai lịch) đến phòng 102 giao 01 gói nylon chứa ma túy. T lấy 1.000.000 đồng (tiền của A) đưa cho người thanh niên. A hỏi mua thêm 02 viên lắc và nói T lấy 600.000 đồng trả tiền mua 02 viên thuốc lắc cho người thanh niên trước rồi nhận thuốc lắc sau. Lúc này, A điện thoại cho T (chưa rõ lai lịch) rủ đến khách sạn chơi ma túy và T hẹn đến khu vực hầm đất thuộc xã T để rước Dương Thị Thúy D trước, T đến sau. Sau đó, A gọi B đi rước D. Đến 23 giờ cùng ngày thì B, Đ, D về đến phòng 102. A có nói cho B việc mua thêm 02 viên thuốc lắc và B đồng ý. Một lúc sau, Bé S mang 02 viên thuốc lắc đến, gọi điện cho B xuống cầu thang lầu 01 nhận. B đi xuống nhận 02 viên thuốc lắc và cầm lên phòng để trong cái đĩa cùng với gói ma túy Ketamine.

Vào lúc 23 giờ 45 phút cùng ngày, Công an huyện Củ Chi phối hợp với Công an xã Tân Thạnh Đông kiểm tra hành chính khách sạn Golden thuộc ấp 12, xã T,

huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến phòng 102 thì phát hiện trong phòng có A, B, T, Đ, D tụ tập sử dụng ma túy. Khi thấy Công an kiểm tra, T mang 01 cái đĩa chứa chất bột màu trắng và 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu cam đỏ vào bồn cầu và dội nước phi tang nhưng còn sót lại 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu cam do A bỏ tiền ra mua. B đi lấy mang lên phòng để vào trong cái đĩa trong phòng nhằm mục đích sử dụng, nhưng chưa sử dụng thì bị phát hiện.

Qua kiểm tra T, B, A, Đ, D dương tính với ma túy Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 1766/KLGĐ-H ngày 19/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 02 viên nén màu cam trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trịnh Hoàng T và hình dấu Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,7324g (không phẩy bảy ba hai bốn gam), loại MDMA.

Vật chứng thu giữ:

01 gói niêm phong mang số vụ 1766/2020, có chữ ký niêm phong của điều tra viên và Giám định viên.

01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh.

01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng.

01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen.

01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ.

01 xe gắn máy biển số 53V4-9671, số khung 0249761, số máy 0249761.

Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.500.000 đồng.

01 cái loa màu đỏ không nhãn hiệu (đã trả lại cho ông Võ Tuấn K).

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS.CC ngày 29/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị can Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ. Vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 09/10/2020, tại phòng 102 khách sạn Golden thuộc ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T đang tàng trữ trái phép chất ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7324g, loại MDMA nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi để biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích thỏa mãn cơn nghiện mà vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước về dược liệu, dược phẩm độc hại, gây mất trật tự tại địa phương, gây

dư luận không tốt trong nhân dân nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài A mức án 01 (một) năm 6 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Quang B mức án 01 (một) năm 6 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng T mức án 01 (một) năm đến 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Thu của bị cáo A: 01 xe gắn máy biển số 53V4-9671 (bị cáo mua của người khác chưa sang tên không có giấy mua bán), 02 điện thoại di động hiệu (Nokia màu xanh, Oppo màu trắng (bị cáo liên lạc người nhà, lên mạng, liên lạc rủ T, B sử dụng ma túy)), 2.500.000 đồng (bị cáo không yêu cầu nhận lại) đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Thu của bị cáo B: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ, 1.000.000 đồng (bị cáo không sử dụng ma túy). Bị cáo không yêu cầu nhận lại đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Thu của bị cáo T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (bị cáo liên lạc với gia đình, không yêu cầu nhận lại) đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

01 gói niêm phong mang số vụ 1766/2020, có chữ ký niêm phong của điều tra viên và Giám định viên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

01 cái loa màu đỏ không nhãn hiệu (đã trả lại cho ông Võ Tuấn K) nên không xem xét.

Đối với Bé S (chưa rõ lai lịch) là người bán ma túy cho B, A, T, T (chưa rõ lai lịch) cho A, B, T sử dụng ma túy miễn phí tại quán karaoke New, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Vũ Quốc Đ và Dương Thị Thúy D không tham gia tàng trữ trái phép chất ma túy, nên không có cơ sở xử lý về hành vi này. Tuy nhiên, do D và Đ dương tính với ma túy Ketamine nên giao cho Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi xử lý theo quy định.

Đối với A, B, T có hành vi chuẩn bị địa điểm, chất ma túy, dụng cụ phục vụ cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự

nhưng chưa sử dụng ma túy. Căn cứ Điều 14 Bộ luật Hình sự thì không xử lý hình sự về hành vi này.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:

Lời khai của bị cáo phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang. Luật sư không tranh luận tội danh tuy nhiên cần xem xét nhân thân. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa thành niên, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng T thấp hơn mức án của Viện kiểm sát truy tố.

Kiểm sát viên tranh luận: Bị cáo T có vai trò ngang với bị cáo B, A. Bị cáo tiêu hủy vật chứng, trả tiền. Hình phạt $\frac{3}{4}$ là có căn cứ và hợp lý.

Bị cáo Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T không tranh luận, không tự bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Vào khoảng 21 giờ 40 phút ngày 09/10/2020, tại phòng 102 khách sạn Golden thuộc ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T tàng trữ trái phép chất ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7324g, loại MDMA nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý dược liệu, dược phẩm độc hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra dư luận xấu trong nhân dân. Hơn nữa, hành vi của các bị cáo tàng trữ chất ma túy để sử dụng ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của các bị cáo và có khả năng là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của bản thân mà các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó,

Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Các bị cáo A, B, T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, đây chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tàng trữ nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công công việc cụ thể. Trong vụ án này, (bị cáo A nói đến khách sạn Golden để thuê. B, A, T thỏa thuận hùn tiền mua ma túy và A ứng tiền trả trước, B và T sẽ trả lại sau. A hỏi mua thêm 02 viên thuốc lắc. A điện thoại cho T rủ đến khách sạn chơi ma túy. A gọi B đi rước D). (Bị cáo B rủ A, T, Đ đi tìm chỗ xả ma túy. B rủ A, T, Đ sử dụng ma túy tiếp thì A và T đồng ý. B điện thoại cho Bé S hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy, hẹn Bé S mang ma túy đến phòng 102 để giao nhận. B và Đ ra khỏi phòng để mượn loa về nghe nhạc. B nhận 02 viên thuốc lắc và cầm lên phòng để trong cái đĩa). (Bị cáo T khi thấy công an kiểm tra, bị cáo mang 01 cái đĩa chứa chất bột màu trắng và 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu cam đỏ vào bồn cầu và dội nước phi tang nhưng còn sót lại 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu cam do A bỏ tiền ra mua, B đi lấy mang lên phòng để vào trong đĩa trong phòng nhằm mục đích sử dụng. T lấy 1.000.000 đồng (tiền của A) đưa cho người thanh niên giao ma túy. T lấy 600.000 đồng trả tiền mua 02 viên thuốc lắc cho người thanh niên trước rồi nhận thuốc lắc sau).

Tình tiết tăng nặng: Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về xử lý vật chứng:

01 xe gắn máy biển số 53V4-9671 (bị cáo A mua của người khác chưa sang tên không có giấy mua bán), 02 điện thoại di động hiệu (Nokia màu xanh, Oppo màu trắng (bị cáo A liên lạc người nhà, liên mạng, liên lạc rủ T, B sử dụng ma túy)), 2.500.000 đồng (bị cáo A không yêu cầu nhận lại) Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ, 1.000.000 đồng (bị cáo B không sử dụng ma túy). Bị cáo B không yêu cầu nhận lại Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (bị cáo T liên lạc với gia đình, không yêu cầu nhận lại) Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

01 gói niêm phong mang số vụ 1766/2020, có chữ ký niêm phong của điều tra viên và Giám định viên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với Bé S (chưa rõ lai lịch) là người bán ma túy cho B, A, T, Tụ (chưa rõ lai lịch) cho A, B, T sử dụng ma túy miễn phí tại quán karaoke New, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Vũ Quốc Đ và Dương Thị Thúy D không tham gia tàng trữ trái phép chất ma túy, nên không có cơ sở xử lý về hành vi này. Tuy nhiên, do D và Đ dương tính với ma túy Ketamine nên giao cho Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi xử lý theo quy định.

Đối với A, B, T có hành vi chuẩn bị địa điểm, chất ma túy, dụng cụ phục vụ cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự nhưng chưa sử dụng ma túy. Căn cứ Điều 14 Bộ luật Hình sự thì không xử lý hình sự về hành vi này.

Những xử lý trên của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[7] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015, Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài A, Nguyễn Quang B, Trịnh Hoàng T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài A 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2020.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang B 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2020.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng T 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2020.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mang số vụ 1766/2020, có chữ ký niêm phong của điều tra viên và Giám định viên.

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ; 01 xe gắn máy biển số 53V4-9671, số khung 0249761, số máy 0249761; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.500.000 đồng.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Phiếu nhập kho vật chứng số 20/PNK ngày 27/01/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi (BL 160)).

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trịnh Hoàng T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Phèo